

Bản án số: 41 /2023/TCDS-PT

Ngày: 22 /8 /2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Trần Hữu Sỹ

**Các Thẩm phán:** Bà Từ Thị Hải Dương, bà Hoàng Thị Thanh Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Tuấn - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:** bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên, tham gia phiên tòa.

Ngày 22/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 26/2023/TLPT-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2189/2023/QĐ-PT ngày 03/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Công L, sinh năm 1949; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông L có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh L1, sinh năm 1990; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 11, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh L1 có mặt tại phiên tòa.

Đại diện theo uỷ quyền của Bị đơn: Ông Nguyễn Minh M, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn 11, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông M có mặt tại phiên tòa (vắng mặt khi tuyên án).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Công L2, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Minh M và vợ là bà Trần Thị H; Cùng địa chỉ tại: Thôn 11, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Ông M có mặt tại phiên tòa (vắng mặt khi tuyên án); bà H vắng mặt.

4. Người kháng cáo: anh Nguyễn Minh L1 (bị đơn); ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Hoàng Công L trình bày:* Vào ngày 30/9/2021, ông L và anh Nguyễn Minh L1 có trực tiếp ký kết Giấy nhận đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất với nội dung: anh Nguyễn Minh L1 nhận đặt cọc của ông L số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), tổng giá trị chuyển nhượng sau cùng của bất động sản là 1.120.000.000 đồng; mục đích sau khi giao nhận tiền thì anh L1 sẽ làm các thủ tục nhận chuyển nhượng thửa đất số 268, tờ bản đồ số 56, diện tích 133,3 m<sup>2</sup> địa chỉ thửa đất tại Thôn 11, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho ông L. Hai người không thoả thuận ngày ra công chứng mà chỉ thoả thuận: “*Bên A (anh L1) phải dời cột điện và đổ đất thì bên B (ông L) thanh toán số tiền còn lại*”.

Một thời gian sau, vì anh L1 không thực hiện nghĩa vụ cam kết, nên ông L đòi lại tiền cọc thì anh L1 cho biết là đã trả lại số tiền 150.000.000 đồng trên cho ông L thông qua con trai của ông L là anh Hoàng Công L2. Ông L cho rằng việc anh L1 trả lại tiền cho ông thông qua anh L2 thì ông hoàn toàn không biết, ông L không ủy quyền cho anh L2 nhận khoản tiền trên và anh L2 cũng không nói lại sự việc trên cho ông L biết và cũng chưa giao số tiền này cho ông L. Theo ông L thì nếu trường hợp có sự việc anh L1 trả lại số tiền trên cho con trai ông thì đó là giao dịch dân sự riêng giữa anh L1 và anh L2, không liên quan đến nội dung thoả thuận trong Giấy giao nhận tiền đã lập ngày 30/9/2021 giữa ông L với anh L1. Do đó, ông L yêu cầu Tòa án buộc anh L1 phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền mà ông L đã đặt cọc với anh L1 150.000.000 đồng theo Giấy nhận đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất đã lập ngày 30/9/2021 giữa bên đặt cọc là Hoàng Công L và bên nhận đặt cọc là anh Nguyễn Minh L1.

- *Bị đơn là anh Nguyễn Minh L1 trình bày:* Anh L1 thừa nhận vào ngày 30/9/2021, giữa ông L và anh L1 có trực tiếp ký kết Giấy nhận đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất với nội dung đúng như ông L đã trình bày. Anh Nguyễn Minh L1 đã nhận tiền đặt cọc của ông L 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, trong thời gian anh L1 đang làm thủ tục di dời cột điện để làm thủ tục chuyển nhượng đất thì đến ngày 20/12/2021 anh Hoàng Công L2 (con trai của ông L) trực tiếp đến gặp anh L1 để xin nhận lại tiền cọc để về chăm lo cho bố (ông L) đang bị ốm nên anh L1 đã đồng ý giao lại toàn bộ số tiền mà ông L đã đặt cọc là 150.000.000 đồng để anh L2 mang về cho ông L là vì: Thứ nhất giữa anh L1 và anh L2 là bạn thân chơi với nhau từ nhỏ, và chính anh L2 là người trực tiếp giao dịch từ đầu đến cuối với anh L1 về lô đất mang tên bố mẹ anh L là ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H. Khi anh L1 thông tin kết quả bước đầu làm thủ tục để nhận tiền đặt cọc ở phía anh Hoàng Công L2 thì bố mẹ anh Linh là ông Mẫn, bà Hảo chấp nhận cho Linh bàn bạc. Thứ hai là khi giữa anh L1 và anh L2 bàn bạc rồi đi đến thoả thuận làm thủ tục, anh L2 yêu cầu em gái là Hoàng Thị N chuyển 150.000.000 đồng tiền đặt cọc vào ngày 30/9/2021 vào tài khoản của anh Nguyễn Minh L1. Thứ ba là theo điều kiện, yêu cầu của anh Hoàng Công L2 cột điện trước mặt tiền phải được di dời, nhưng trong khi chưa di dời được thì ngày

20/12/2021, Hoàng Công L2 xin lại số tiền đặt cọc với lý do: ông Hoàng Công L đau ốm nên bảo xin lại tiền đặt cọc 150.000.000 đồng, nên anh L1 và ba, mẹ anh L1 chấp nhận. Cùng ngày 20/12/2021, Hoàng Công L2 trực tiếp nhận lại đủ số tiền trên và viết giấy nhận tiền với nội dung cam kết: Từ nay về sau không có gì khiếu kiện và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Do đó, bị đơn anh Nguyễn Minh L1 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Công L.

- Ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H thống nhất trình bày: Ông M có biết việc anh Hoàng Công L2 giao dịch với con trai ông là Nguyễn Minh L1 về việc chuyển nhượng đất đai của gia đình. Tuy nhiên, tại thời điểm giao dịch và đặt cọc thì thửa đất số 268, tờ bản đồ số 56, diện tích 133,3 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại Thôn 11, xã L mang tên chủ sử dụng vợ chồng ông là Nguyễn Minh M và Trần Thị H và vợ chồng ông cũng chưa có ý kiến đồng ý hoặc ủy quyền cho con trai (anh L1) thực hiện việc chuyển nhượng đất. Về giá cả thửa đất và số tiền đặt cọc bao nhiêu thì ông M, bà H không biết. Tiền đặt cọc do con trai ông nhận mà không đưa cho vợ chồng Ông, nên vợ chồng Ông không liên quan đến khoản tiền này. Mặt khác theo ông được biết thì con trai ông đã trả lại đủ tiền cọc 150.000.000 đồng cho ông L (thông qua anh L2 là con trai của ông L), nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Hoàng Công L và ra quyết định đình chỉ vụ án.

- Anh Hoàng Công L2 trình bày: anh L2 thừa nhận sau khi ông L đặt cọc cho anh L, trong lúc anh L2 chưa di dời được cột điện để làm thủ tục chuyển nhượng đất, do chờ lâu mà bố anh L2 lại bị ốm nên anh L2 đã đến gặp anh L1 xin nhận lại tiền cọc để về lo việc trong nhà. Do có quan hệ bạn bè thân thiết nên anh L1 đã đồng ý giao lại số tiền cọc 150.000.000 đồng cho anh L2. Anh L2 đã viết giấy nhận tiền và hứa sẽ có trách nhiệm giao lại số tiền 150.000.000 đồng cho bố là ông Hoàng Công L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tuyên: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 91; Điều 144, Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các Điều 117, Điều 328, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn ông Hoàng Công L. Buộc Bị đơn anh Nguyễn Minh L1 phải trả số tiền cọc đã nhận 150.000.000 đồng cho ông Hoàng Công L theo Giấy nhận đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sở hữu nhà - quyền sử dụng đất lập ngày 30/9/2021 mà anh Nguyễn Minh L1 đã ký kết.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Ngày 28/4/2023, bị đơn anh Nguyễn Minh L1, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn; hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới; buộc nguyên đơn ông Hoàng Công L phải bồi thường thiệt hại ngày công lao động, xăng xe đi lại của cả gia đình (03 người) theo đuổi vụ kiện do ông L

khởi kiện vô căn cứ. Yêu cầu ông L phải chịu tiền lãi theo quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**\* Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn ông Hoàng Công L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án bác kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh L1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh M đề nghị Tòa án phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng cáo, bác đơn khởi kiện của ông L, buộc ông L phải bồi thường thiệt hại cho gia đình như nội dung của đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh Hoàng Công L2 (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) vắng mặt. Tuy nhiên, đây là phiên tòa thứ hai anh L2 vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L2.

[2] Xem xét các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy:

[2.1] Tại bút lục số 34 thể hiện: Ngày 30/9/2021, ông Hoàng Công L và anh Nguyễn Minh L1 đã cùng nhau lập “**Giấy nhận đặt cọc**”, theo đó anh Nguyễn Minh L1 đồng ý nhận tiền đặt cọc của ông Hoàng Công L 150.000.000 đồng, mục đích sau khi giao nhận tiền cọc thì anh L1 sẽ làm các thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 268, tờ bản đồ số 56, diện tích 133,3 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại Thôn 11, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho ông L; giá chuyển nhượng thửa đất là 1.120.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, anh L1 phải dời cột điện và đổ đất thì ông L thanh toán số tiền còn lại 970.000.000 đồng. Trong “Giấy nhận đặt cọc” không thể hiện các bên đã giao nhận tiền cọc. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và anh L1 đều thừa nhận ngay sau khi ký “Giấy nhận đặt cọc” (ngày 30/9/2021) thì ông L đã giao tiền và anh L1 đã nhận đủ số tiền cọc 150.000.000 đồng từ ông L.

Như vậy, có cơ sở để xác định vào ngày 30/9/2021, ông Hoàng Công L đã đặt cọc và anh Nguyễn Minh L1 đã nhận đủ tiền cọc 150.000.000 đồng từ ông L để anh L1 làm các thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 268, tờ bản đồ số 56, diện tích 133,3 m<sup>2</sup>, tại thôn 11, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cho ông L.

[2.2] Theo lời trình bày của các bên đương sự thì tại thời điểm ông L đặt cọc cho anh L1 để làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 268, tờ bản đồ số 56, diện tích 133,3 m<sup>2</sup>, địa chỉ tại Thôn 11, xã L, thì thửa đất này đang thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Minh M - bà Trần Thị H (bố, mẹ

của anh L1); ông M, bà H chưa đồng ý và cũng chưa ủy quyền cho anh L1 thực hiện việc chuyển nhượng thửa đất của ông M, bà H cho ông L. Vì vậy, nội dung thỏa thuận chuyển nhượng thửa đất giữa ông L với anh L1 là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do sau khi ký kết hợp đồng thì các bên không bắt buộc (hoặc yêu cầu) tiếp tục thực hiện hợp đồng mà bên đặt cọc chỉ yêu cầu nhận lại tiền cọc và bên nhận cọc cũng đồng ý trả lại tiền cọc cho bên đặt cọc. Do đó, Tòa án sơ thẩm không xem xét về tính hợp pháp của việc thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng thửa đất, mà chỉ xem xét việc bên nhận đặt cọc đã trả lại tiền cọc cho bên đặt cọc hay chưa (theo đúng yêu cầu khởi kiện), là đúng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy: Sau khi giao nhận tiền cọc một thời gian, do anh L1 chưa làm được thủ tục dời cột điện và chưa đổ đất san bằng trên thửa đất, nên ông L yêu cầu anh L1 trả lại 150.000.000 đồng tiền cọc cho ông L, tuy nhiên anh L1 cho biết vào ngày 20/12/2021 anh L1 đã trả lại toàn bộ 150.000.000 đồng tiền cọc cho ông L thông qua con trai của ông L là anh Hoàng Công L2. Ông L cho rằng, chính ông L là người trực tiếp đặt cọc và thỏa thuận việc mua bán đất với anh L1, nên khi không thực hiện hợp đồng chuyển nhượng đất nữa thì anh L1 phải trả lại tiền cọc cho ông L. Việc anh L1 giao tiền cho anh L2 thì ông L hoàn toàn không biết, ông L cũng không ủy quyền cho anh L2 đến nhận tiền tại anh L1; mặt khác đến nay anh L2 vẫn không giao lại tiền cho ông L. Do đó, ông L yêu cầu anh L1 phải có trách nhiệm trả lại cho ông L số tiền 150.000.000 đồng mà ông L đã đặt cọc cho anh L1.

[3.1] Theo nội dung giấy đặt cọc thì anh L1 nhận tiền cọc của ông L để thực hiện việc chuyển nhượng đất cho ông L. Như vậy, mặc dù anh L2 là con trai của ông L, nhưng tiền đặt cọc là tài sản riêng của ông L và ông L đặt cọc để anh L1 chuyển nhượng đất cho ông L. Do đó, trong trường hợp hai bên mua, bán (ông L và anh L1) đồng ý không tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng đất và giao trả lại tiền cọc thì anh L1 phải có nghĩa vụ trả lại toàn bộ tiền cọc cho ông L, chứ không thể trả lại cho anh L2 khi không có sự đồng ý của ông L. Mặt khác, anh L2 đã lấy vợ và ở riêng, do đó khi không có sự đồng ý của ông L thì anh L2 cũng không có quyền đến nhận lại tiền cọc từ anh L1. Việc anh L1 giao trả tiền cọc cho anh L2 thì ông L hoàn toàn không biết, và trên thực tế thì hiện nay anh L2 cũng không trả lại tiền cho ông L.

Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định việc anh L1 giao tiền cho anh L2 là giao dịch dân sự riêng không liên quan đến việc giao nhận tiền cọc giữa ông L với anh L1, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc anh L1 trả lại tiền cọc cho ông L là có cơ sở.

[3.2] Anh L1 cho rằng khi ông L với anh L1 thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng đất thì có mặt của anh L2; giữa anh L2 với anh L1 là bạn bè, nên khi nghe anh L2 nói xin nhận lại tiền cọc cho bố (ông L) thì anh L1 đồng ý và đã giao đủ 150.000.000 đồng tiền cọc cho anh L2, và chính anh L2 cũng thừa nhận đã nhận lại 150.000.000 đồng tiền cọc từ anh L1. Do đó, theo anh L1 thì ông L phải đòi lại tiền từ con trai của ông L (anh L2) chứ không thể buộc anh L1 phải trả lại tiền cho ông L.

Xét thấy, ý kiến trên của anh Nguyễn Minh L1 là không có cơ sở. Như đã phân tích tại mục [3.1]. Theo đó, anh L1 trực tiếp nhận tiền cọc của ông L thì phải có trách nhiệm trả lại tiền cọc cho ông L, chứ không thể giao tiền cho anh L2 khi chưa có sự đồng ý của ông L. Việc anh L2 trình bày đã nhận 150.000.000 đồng tiền cọc từ anh L1 được xem là một trong những căn cứ để sau này anh L1 buộc anh L2 trả lại tiền cho mình nếu có yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án khác.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án phúc thẩm bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về nội dung yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại ngày công lao động, xăng xe đi lại của cả gia đình (3 người) do phải theo đuổi vụ kiện từ khi thụ lý đến khi xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử thấy: Việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đã được Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Đối với nội dung kháng cáo này do quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các đương sự không đưa ra yêu cầu, nên cấp sơ thẩm không xem xét. Do đó, nội dung kháng cáo này không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh L1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định; đối với ông M và bà H thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Minh L1; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh M và bà Trần Thị H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2023/DS-ST ngày 20/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 1 Điều Điều 91, các Điều 144, 147, 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 117, 328, 375 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Công L về việc buộc bị đơn anh Nguyễn Minh L1 phải trả lại cho ông Hoàng Công L số tiền cọc đã nhận 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng theo giấy nhận đặt cọc lập ngày 30/9/2021 mà anh L1 đã ký kết.

2. Về án phí: - Nguyên đơn ông Hoàng Công L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

- Bị đơn anh Nguyễn Minh L1 phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh L đã nộp tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0001511 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố đồng Hới.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh M, bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

*3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

5. Án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/8/2023).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND thành phố Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu: Toà Dân sự, hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Trần Hữu Sỹ**